

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI,
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 8 – 2019.
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Văn và bà Vũ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Trung – Là thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Nam N - Vắng mặt lần thứ 2.

Cùng địa chỉ: xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2019, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Trịnh Nam N vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống,

dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm, chia sẻ, hơn nữa chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn còn do anh N có quan hệ khác ngoài vợ. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên, bạn bè, thôn khuyển giải nhiều lần, nhưng cuộc sống chung của anh chị không cải thiện được. Đỉnh điểm của mâu thuẫn xảy ra vào khoảng tháng 3 năm 2019, vợ chồng anh chị xích mích mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 01 người con chung là cháu Trịnh Anh D - sinh ngày 10/11/2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Dũng đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Dũng đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Trịnh Nam N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn như chị T trình bày là đúng, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh N là do: Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không hiểu nhau, chị T nghi ngờ anh N có quan hệ khác nên hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Đến tháng 3/2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nên hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan T đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh N không muốn ly hôn vì lý do con còn nhỏ, tuy nhiên chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh N cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 01 người con chung như chị T trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh N đồng ý để chị T nuôi cháu D đến khi cháu trưởng thành, anh N sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho chị T nuôi con chung số tiền là: 2.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng

theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trịnh Nam N. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trịnh Nam N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nuôi con: Giao cháu Trịnh Anh D sinh ngày 10/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Nam N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1tháng (*Hai triệu đồng*), cho đến khi cháu Dũng đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố Lào Cai đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Trịnh Nam N, nhưng anh N không đến Toà án để tham gia tố tụng. Chị T có đơn đề nghị không hòa giải. Vì vậy vụ án không thể tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Trịnh Nam N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xác định hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn được 05 năm, cuộc sống vợ chồng anh chị bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp hạnh phúc. Chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay, không ai còn quan T đến ai cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã kéo dài, thời gian sống ly thân nhau đã lâu, hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xử cho ly hôn giữa chị T và anh N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là cháu Trịnh Anh Dũng - sinh ngày 10/11/2017. Nguyên đơn xin được nuôi con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trịnh Anh D sinh ngày 10/11/2017, tính đến ngày xét xử, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị T hiện đang là nhân viên tại Công ty TNHH LDKS quốc tế Lào Cai, có mức thu nhập ổn định, có thời gian, điều kiện để chăm sóc cháu. Việc giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho cháu. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Nam N cũng đồng ý giao cháu Dũng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi còn phù hợp với nguyên tắc pháp luật: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện”* quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đều thừa nhận, cũng như lời khai của người làm chứng mẹ đẻ anh Trịnh Nam N cho thấy: Anh Trịnh Nam N có mức thu nhập khoảng từ 6 triệu – 7 triệu đồng/01 tháng, nguồn thu nhập từ công việc tư vấn, thiết kế, thi công phòng hát Karaoke trên địa bàn thành phố Lào Cai cũng như tại các tỉnh lân cận. Anh N cũng đồng ý cấp dưỡng cho cháu Dũng là 2.000.000/1 tháng. Xét khả năng thu nhập, khả năng thực tế của anh Trịnh Nam N và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng tại địa phương của các đương sự, mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình, cần được chấp nhận. Vì vậy buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trịnh Anh D là 2.000.000đ cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[4]. Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn. Bị đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trịnh Nam N. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trịnh Nam N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con: Giao cháu Trịnh Anh D sinh ngày 10/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Nam N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000VNĐ/1tháng (*Hai triệu đồng*), cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Trịnh Nam N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0006090 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trịnh Nam N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Văn Vãn

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Mai Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (2);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1): Hồ sơ (1);
- UBND xã Vạn Hòa, TP. Lào Cai (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Phương